

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2040/QĐ-BCT ngày 14/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 01153/QĐ-UBND ngày 03/09/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính ngành Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 01/04/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 108/TTr-SCT ngày 19/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Công Thương căn cứ danh mục thủ tục hành chính được công bố mới tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết thủ tục hành chính để niêm yết, công khai thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

2. Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/9/2026.

1. Các thủ tục hành chính hoặc các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

2. Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực xuất nhập khẩu tương ứng được công bố tại các số thứ tự 14, 15, 16 Mục I Phụ lục kèm theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 17/6/2026; Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 10/6/2026; các số thứ tự 48, 49, 53 Mục II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 18/5/2026; số thứ tự 5 Mục I Phần A Phụ lục kèm theo Quyết định số 01740/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 và các số thứ tự 9, 19 Mục I Phần A Phụ lục kèm theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch UBND các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Mỹ);
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT: ĐTKT, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, PVHCC_(H-02b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				công tỉnh/cấp xã.		
2	1.000421	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép quá cảnh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
3	2.001282	Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
4	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
5	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập,	05 ngày làm việc kể từ ngày	- Trục tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ	Không	Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tái xuất	nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		22/7/2026 của Chính phủ.
6	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
7	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
8	1.000890	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung	Không	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.		292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
9	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép: kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; tạm xuất, tái nhập; kinh doanh chuyển khẩu	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
10	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Thương mại số 36/2005/QH11; - Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
11	1.013771	Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa thuộc diện hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu,	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đúng quy định	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tạm ngừng nhập khẩu		công tỉnh/cấp xã.		
12	2.001192	Thủ tục cấp Giấy phép gia công quân phục xuất khẩu cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
13	2.001315	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu phục vụ hoạt động gia công	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.
14	1.002808	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép gia công quân phục và Giấy phép nhập khẩu quân phục để làm mẫu	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn ; - Nộp qua bưu chính công ích hoặc trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14; - Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính phủ.